Thời khóa biểu lớp Chuyên ban Hợp tác Sản xuất - Học tập sinh viên Quốc t ế , hệ 4 năm, ngành

	Năm 1					Năm 2					Năm 3					Năm 4					Tổng cộng	
	Môn học	Học kỳ 1		Học kỳ 2		Môn học	Học kỳ 1		Học kỳ 2		Môn học	Học kỳ 1		Học kỳ 2		Môn học	Học kỳ 1		Học kỳ 2			
		Tín chỉ	Số giờ	Tín chỉ	Số giờ		Tín chỉ	Số giờ	Tín chỉ	Số giờ		Tín chỉ	Số giờ	Tín chỉ	Số giờ		Tín chỉ	Số giờ	Tín chỉ	Số giờ	Tín chỉ	Số giờ
Môn Bắt buộc chung	Ti ế ng Trung	5	10	5	10	Ti ế ng Trung thực dụng	2	2	2	2	Văn hóa và Thực hành Ẩm thực	3	3									
	Đạo đức ngh ề nghiệp	2	2			Ti ế ng Anh (1) (2)	2	2	2	2	Tiếng Anh giao tiếp nơi công			2	2							
	Th ể thao và Sức khỏe (1) (2)	2	2	2	2						Lịch sử và Văn hóa Đài Loan			2	2							
	Thực hành Máy tính	3	3																			
	Nhập môn Quản trị học			2	2																	
	Tổng phụ	**12**	**17**	**9**	**14**	**Tổng phụ**	**4**	**4**	**4**	**4**	**Tổng phụ**	**3**	**3**	**4**	**4**	**Tổng phụ**	**0**	**0**	**0**	**0**	**36**	**46**
Môn Bắt buộc chuyên ngành	Thực hành HDV và Trưởng đoàn (1) (2)	2	2	2	2	Vận tải Hàng không và Bán vé	2	2			Thi ế t k ế Sáng tạo Hoạt động	2	2			Du lịch Thông minh	2	2				
	Nhập môn Du lịch	2	2			Thực hành Đa phương tiện Du lịch và Ẩm	3	3			Thực hành Truyền thông số Du	3	3			Văn hóa và Du lịch Công	2	2				
	Quản trị Kinh doanh Lữ hành	2	2			Nghiệp vụ thực tế Du lịch và Nhà hàng –	6	6			Năng lực Thực hành Du lịch &	6	6			Du lịch B ề n vững			2	2		
	Quy hoạch và Thi ế t k ế Tour			2	2	Quy hoạch Tài nguyên Du lịch			2	2	Thực hành Tiếp thị Số Du lịch			3	3	viên Chủ đề			2	2		
	Mạng xã hội trong ngành Du lịch và Ẩm thực.			3	3	Nhập môn Du lịch Hội nghị và Triển lãm			2	2	Big Data và AI trong Du lịch &			3	3							
						Phân tích & Ứng dụng Dữ liệu Du lịch			3	3													
						Nghiệp vụ thực tế Du lịch và Nhà hàng –			6	6													
	Tổng phụ	**6**	**6**	**7**	**7**	**Tổng phụ**	**11**	**11**	**13**	**13**	**Tổng phụ**	**11**	**11**	**6**	**6**	**Tổng phụ**	**4**	**4**	**4**	**4**	**62**	**62**
Tổng bắt buộc		**18**	**23**	**16**	**21**		**15**	**15**	**17**	**17**		**14**	**14**	**10**	**10**		**4**	**4**	**4**	**4**	**98**	**108**
Môn Tự chọn chuyên ngành						Thực hành Làm bánh ngọt (1) (2)	3	3	3	3	Pha ch ế Rượu và Đồ uống	3	3			Nghi thức Quốc t ế	2	2				
						Thực hành Sáng tạo Kinh doanh Du lịch			2	2	Thực hành Khởi nghiệp Ẩm	2	2			Xử lý Khủng hoảng Du	2	2				
											Năng lực Thực hành Du lịch &			6	6	Du lịch Sinh thái	2	2				
											Quản lý Rủi ro Du lịch			2	2	Thành quả Thực hành Du	6	6				
											Du lịch Nông thôn và Du lịch			2	2	Thành quả Thực hành Du			6	6		
											Quản trị Khách sạn			2	2	Thực hành Truyền thông			3	3		
																Pha ch ế và Thưởng thức			3	3		

Ghi chú

1. Tổng số tín chỉ tốt nghiệp tối thiểu là 128, bắt buộc 98, tự chọn ít nhất 30.
2. Học tập Thực hành Du lịch & NHKS (1/2), Năng lực Thực hành (1/2), Thành quả Thực hành (1/2) là thực tập ngoài trường (6 tín/6 giờ). Giờ thực tập là 24 giờ/tuần.
3. Thời khóa biểu được thông qua tại Ủy ban Khoa 18/06/115; Ủy ban Viện 22/06/115; Ủy ban Trường 00/00/115.